

DANH SÁCH THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi số: 01 ngày 05 tháng 02 năm 2026)

Tài khoản dự toán Tài khoản tiền gửi

1. Đơn vị giao dịch: Trường Tiểu học Thanh Lương

2. Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách: 1096001

(Đơn vị tính: Đồng)

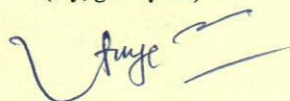
STT	Đối tượng thụ hưởng	Tài khoản ngân hàng		Số tiền
		Số tài khoản đối tượng thụ hưởng	Tên ngân hàng	
(1)	(2)	(3)		(4)
	Tổng số			1.456.258.312
I.	Công chức			-
II.	Viên chức			1.447.851.613
1	Nguyễn Thị Kim Dung	8912368869999	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	44.109.856
2	Phạm Thị Hằng	8912898978989	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	54.113.684
3	Trần Thị Thịnh	8912236900168	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	40.584.974
4	Nguyễn Thị Hải yến	8912215010786	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	51.765.761
5	Phạm Thu Phương	8912668916689	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	52.500.296
6	Mai Thị Thùy	8912186891868	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	52.500.296
7	Võ Thị Thắm	8912215010813	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	47.418.345
8	Vũ Thị Nhân	8912286892868	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	50.920.478
9	Lò Thị Thùy Dương	8912668575688	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	47.628.613
10	Hà Lâm Sinh	8912668181668	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	40.221.404
11	Trần Quang Hưng	8912686111686	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	50.246.951
12	Phạm Thị Tần	8912779555779	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	51.631.969
13	Nguyễn Thị Tình	8912668959668	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	51.144.987
14	Nguyễn Thị Bích Liên	8912215010836	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	48.981.858
15	Đào Thị Hương	8912669986699	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	47.208.077
16	Bùi Thị Đào	8912215010842	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	40.766.759
17	Nguyễn Ngọc Cường	8912215010859	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	37.588.824
18	Nguyễn Thị Loan	8912215010865	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	51.528.658
19	Nguyễn Phương Thảo	8912668989668	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	49.432.940
20	Lò Thị Bích	8912215010871	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	40.408.730
21	Vương Thị Hồng Vân	8912215010888	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	52.683.842
22	Nguyễn Thị Len	8912215010944	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	38.128.901
23	Lê Minh Thắng	8912889333889	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	30.653.574



24	Lò Thị Biên	8912696090696	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	33.212.949
25	Phạm Văn Phong	8912123567999	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	35.745.840
26	Nguyễn Thị Xuyên	8912215010894	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	36.163.701
27	Lò Văn Minh	8912567678789	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	39.312.477
28	Lường Thị Hà	8912205088191	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	47.418.345
29	Trần Thị Hoa	8903215016752	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	47.628.613
30	Lâm Thị Ngọc Thảo	8912205157844	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	33.059.646
31	Trần Thị Mai Phương	8903215043959	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	36.665.076
32	Hà Lâm Tuyên	8912666661983	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	24.395.436
33	Lê Thị Phương	8912889222889	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	21.507.876
34	Tạ Thị Yến	8912668363668	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	20.571.876
III.	Đối với LĐHD thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo ND 111/2022\ND-CP :			8.406.699
01	Nguyễn Ngọc Tuấn	8912215010921	Agribank CN Điện Biên Phủ Điện Biên	8.406.699
IV.	Đối với HD thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 111/2022\ND-CP :			
Tổng số tiền bằng chữ: Một tỷ bốn trăm năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi tám nghìn ba trăm mười hai đồng chẵn				

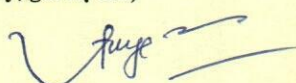
Điện Biên, ngày 05 tháng 02 năm 2026

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi họ tên)



Hà Lâm Tuyên

KẾ TOÁN
TRƯỞNG
(Ký, ghi họ tên)



Hà Lâm Tuyên

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Kim Dung

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Điện Biên, ngày tháng năm 2026

NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ
(Ký, ghi họ tên)

LÃNH ĐẠO KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC/LÃNH ĐẠO PHÒNG THUỘC KHO
BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)